

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2019/KDTM-PT**

Ngày: 27-8-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng.

Các Thẩm phán:

Bà Đỗ Thị Nhung

Ông Võ Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2019/KDTM-ST ngày 06 tháng 06 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Số 198, Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Thành ủy quyền cho ông Hoàng Mạnh L, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N Việt Nam – chi nhánh Biên Hòa (theo giấy ủy quyền số 125/UQ-VCB-PC ngày 25/02/2016).

Ông L ủy quyền cho ông Lê Xuân H. Chức vụ: Tổ trưởng Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP N Việt Nam – chi nhánh Biên Hòa, địa chỉ: Số

22, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (theo giấy ủy quyền số 210/UQ-BH.KHDN ngày 12/4/2018).

- *Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên J*

Địa chỉ: Số 1, đường 13A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: ông J. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 93/3, KP3, Trần Quốc Toản, P.Bình Đa, TP.Biên Hòa, Đồng Nai (theo giấy ủy quyền số 01/UQ ngày 06/7/2018).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Lê Văn B – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Lê Phương N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV Thuộc da R (Việt Nam)*

Địa chỉ: Lô DII, Đường số 08, KCN Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông J. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1984. Địa chỉ: N134, khu phố 7, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Đồng Nai (theo giấy ủy quyền số 03/UQ ngày 17/12/2018).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên J.

(Các ông bà H, A, T, B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2018, ngày 08/5/2018 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Xuân H trình bày:***

- Ngày 27/3/2017, Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa (sau đây viết tắt là “Ngân hàng”) có ký Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 044.17/48.05-HMTD với Công ty TNHH Một Thành Viên J (sau đây viết tắt là Công ty J) với nội dung sau:

- + Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 đồng.
- + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- + Đồng tiền cho vay là: VNĐ và/hoặc USD và/hoặc EUR
- + Thời hạn cho vay là 06 tháng (theo từng giấy nhận nợ).
- + Mục đích cho vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Lãi suất cho vay trong hạn được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho

vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo bằng văn bản của Ngân hàng theo từng thời kỳ.

+ Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Quá trình Công ty J thực hiện việc rút vốn, trả nợ như sau:

- Theo Giấy nhận nợ số 8, 10, 12, 14, 15, 16, 16A, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 26, 27, 28, 29, 31, 32, 33, 34, 35, 36 thì Công ty J đã rút vốn vay bằng tiền Việt Nam đồng (VND) với tổng số tiền là **8.024.471.394** đồng.

Tính đến ngày xét xử 06/6/2019, Công ty J trả được 1.284.739.612 đồng nợ gốc và 208.083.063 đồng tiền lãi trong hạn và trả được 2.199.642 đồng tiền lãi quá hạn.

- Theo Giấy nhận nợ số 11, 18, 25, 30 thì Công ty J đã rút vốn vay ngoại tệ bằng đồng Euro (eur) là **201.944,87 EUR**.

Tính đến ngày xét xử 06/6/2019, Công ty J trả được 5.022,17 EUR nợ gốc và 3.460,54 EUR lãi trong hạn, không trả lãi quá hạn.

Theo như nội dung ghi trong Hợp đồng thì nghĩa vụ của bên vay được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp quyền sở hữu công trình xây dựng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 085544 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/3/2013 giữa Công ty TNHH Glovintec và Ngân hàng. Tuy nhiên, biện pháp bảo đảm này các bên chưa tiến hành ký kết mà Ngân hàng để cho bên vay thực hiện bổ sung biện pháp bảo đảm trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhưng đến thời điểm khởi kiện, bên bị đơn vẫn không bổ sung. Vì vậy, Ngân hàng xác định các khoản nợ trên đến nay không có tài sản bảo đảm.

Từ ngày 12/02/2018, Công ty J đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc, lãi vay của khoản nợ đến hạn. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thoại, làm việc yêu cầu khách hàng vay trả nợ, tuy nhiên đến nay Công ty J vẫn chưa thanh toán dứt điểm các khoản nợ.

Nay đại diện cho Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH Một Thành Viên J thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 044.17/48.05-HMTD ngày 27/03/2017, với số tiền tính đến ngày xét xử 06/6/2019 là **7.686.187.483** đồng và **217.582,47 EUR**.

Trong đó: Nợ gốc **6.739.731.782** đồng và **196.922,70** eur; Lãi vay trong hạn 93.776.542 đồng và 2.126,32 eur; Lãi vay quá hạn 852.679.159 đồng và 18.533,45 eur.

Tiếp tục phải trả toàn bộ các khoản lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (số 044.17/48.05 - HMTD ngày

27/03/2017) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (07/6/2019) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cấm mua bán, chuyển nhượng, thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng tại số 1, đường 13A, KCN Biên Hòa 2, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai (địa chỉ trụ sở Công ty TNHH MTV J, có Giấy chứng nhận Quyền sở hữu công trình xây dựng số 757312605000197 do BQL các KCN tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/12/2009), được xây dựng trên thửa đất số 15, tờ bản đồ số 16, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 06/03/2019 của Tòa án nhân dân TP.Biên Hòa) để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với đề nghị của người đại diện bên bị đơn trình bày tại phiên tòa về việc xin trả các khoản nợ nêu trên trong thời hạn 24 tháng, mỗi tháng trả 23.750 USD cho đến khi hết nợ và xin miễn trả tất cả các khoản tiền lãi. Ông Lê Xuân H, đại diện cho Ngân hàng không đồng ý với đề nghị trên.

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2018, ngày 08/5/2018, Ngân hàng TMCP N Việt Nam còn yêu cầu Công ty J thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Thuộc da R (Việt Nam), theo Thư bảo lãnh ngày 16/02/2017 đối với khoản nợ tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 029.17/48.05-HMTD ngày 16/02/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N Việt Nam với Công ty TNHH MTV Thuộc da R (Việt Nam). Đến ngày 14/3/2019, Ngân hàng đã nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bên bị đơn là Công ty TNHH MTV J, không yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH MTV J thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh Công ty TNHH MTV Thuộc da R (Việt Nam) theo Thư bảo lãnh ngày 16/02/2017 trong vụ án này để giải quyết bằng vụ án khác.

**** Theo bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện bên bị đơn - Công ty TNHH Một Thành Viên J, ông Nguyễn Văn A trình bày:***

Về nội dung ký kết Hợp đồng tín dụng, nội dung thỏa thuận về việc vay vốn và quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa, ông A thống nhất theo như ý kiến trình bày của người đại diện bên nguyên đơn tại Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty J xác nhận còn nợ tại Ngân hàng khoản nợ gốc tính đến ngày xét xử 06/6/2019 là **6.739.731.782 đồng** và **196.922,70 eur** là đúng theo như người đại diện của Ngân hàng đã trình bày.

Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì bên bị đơn đồng ý trả cho Ngân hàng khoản nợ gốc 6.739.731.782 đồng và 196.922,70 Eur theo cam kết trả nợ trong thời hạn 24 tháng, mỗi tháng trả 23.750 USD cho đến khi hết nợ.

Đối với khoản nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn của Ngân hàng yêu cầu thì bị đơn xin Ngân hàng miễn trả tất cả các khoản tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn), nguyên nhân do Công ty đang gặp khó khăn.

Việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Thuộc da R (Việt Nam), theo Thư bảo lãnh ngày 16/02/2017 thì bên bị đơn đồng ý và không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

*** Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Thuộc da R (Việt Nam) trình bày:**

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với Công ty TNHH MTV J và việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện như trên. Bà T đại diện cho Công ty TNHH MTV Thuộc da R (Việt Nam) không có ý kiến gì.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 06/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên J.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên J phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 044.17/48.05-HMTD ngày 27/03/2017 với số tiền là 7.686.187.483 đồng và 217.582,47 EUR.

Trong đó: Nợ gốc 6.739.731.782 đồng và 196.922,70 eur; Lãi vay trong hạn 93.776.542 đồng và 2.126,32 eur; Lãi vay quá hạn 852.679.159 đồng và 18.533,45 eur.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N Việt Nam về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên J thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Thuộc da Rostaing Việt Nam đối với khoản nợ tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 029.17/48.05-HMTD ngày 16/02/2017 (theo Thư bảo lãnh ngày 16/02/2017).

3. Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 06/03/2019 theo Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 176/2019/QĐ-BPKCTT ngày 06/6/2019 của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/6/2019, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Với lý do Công ty đang gặp nhiều khó khăn và căn cứ vào điểm 9.4 của Hợp đồng tín dụng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần nội dung Bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Xin được trả khoản nợ trong thời hạn 24 tháng, mỗi tháng trả 549.626.400đ (năm trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng) cho đến khi trả hết nợ.

+ Đối với khoản nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn của ngân hàng, yêu cầu phía bị đơn đề nghị được miễn trả tất cả các khoản tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn).

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

*** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên bị đơn tại phiên tòa:**

Thông nhất với bản án sơ thẩm về phần khoản tiền nợ gốc tính tới ngày xét xử sơ thẩm, số tiền là 6.739.731.782 đồng và 196.922,70 eur. Thông nhất với việc hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với Công ty J.

Tuy nhiên do hoàn cảnh công ty hiện nay đang rất khó khăn nên đề nghị cho Công ty trả nợ cho Ngân hàng trong thời hạn 24 tháng. Đối với khoản nợ lãi thì đề nghị được miễn trả tất cả các khoản tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) do Công ty đang gặp khó khăn. Mặt khác, tại khoản 9.4 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 044.17/48.05-HMTD ngày 27/03/2017, về quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng có quy định: *“Ngân hàng thực hiện miễn, giảm lãi tiền vay, phí, cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng theo quy định nội bộ của Ngân hàng, quy định của pháp luật và theo quy định của Hợp đồng này”*. Do đó, Ngân hàng phải có nghĩa vụ xem xét hoàn cảnh thực tế của Công ty đang gặp khó khăn, đề nghị Ngân hàng xem xét để miễn giảm lãi vay, phí và cơ cấu lại thời gian trả nợ cho bị đơn. Khả năng tài chính của bị đơn trong thời điểm này chỉ có thể thanh toán trả cho Ngân hàng khoản nợ gốc nêu trên trong thời hạn 24 tháng, mỗi tháng trả 23.750 USD cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung kháng cáo: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã đề nghị Ngân hàng giảm lãi nhưng không được Ngân hàng chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng cũng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, thấy rằng việc thỏa thuận thời gian trả nợ và xem xét giảm lãi là của nội bộ ngân hàng, pháp luật không quy định điều này nên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở xem xét. Do bản án đã áp dụng đúng quy định pháp luật, có căn cứ

nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thành phố Biên Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty J làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Xuân H, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Ngọc T là những người được ủy quyền hợp lệ nên được chấp nhận và Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[4] Xét kháng cáo của Công ty J: Công ty đồng ý với khoản tiền nợ gốc là 6.739.731.782 đồng và 196.922,70 eur và đồng ý trả nhưng có yêu cầu được trả khoản nợ trong thời hạn 24 tháng, mỗi tháng trả 549.626.400đ (năm trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng) cho đến khi trả hết nợ và yêu cầu được miễn trả tất cả các khoản tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) với lý do Công ty đang gặp khó khăn và viện dẫn khoản 9.4 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 044.17/48.05-HMTD ngày 27/03/2017 thì Ngân hàng có nghĩa vụ xem xét hoàn cảnh thực tế của Công ty đang gặp khó khăn.

[5] Tuy nhiên, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nội dung của Hợp đồng tín dụng số 044.17/48.05-HMTD ngày 27/03/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty thấy rằng việc Công ty yêu cầu được trả dần khoản nợ (trả nhiều lần) do công ty đang gặp khó khăn không nằm trong các điều khoản thỏa thuận bắt buộc của Hợp đồng (Hợp đồng tín dụng chỉ quy định về phương thức trả nợ gốc, lãi các loại...đối với khoản vay trong hạn). Đối với việc Công ty yêu cầu buộc Ngân hàng phải miễn các loại lãi cho công ty, thấy rằng tuy việc thực hiện miễn lãi có được ghi nhận trong phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng nhưng kèm các điều kiện là phải theo quy định nội bộ của ngân hàng, quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu miễn lãi và trả tiền thành nhiều lần của Công ty. Do việc miễn lãi không là quy định cụ thể, bắt buộc của Ngân hàng đối với khách hàng nên Công ty không có quyền yêu cầu Ngân hàng phải thực hiện các vấn đề không phải là thỏa thuận bắt buộc giữa các bên tham gia giao kết. Công ty kháng cáo nhưng không giao nộp chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu của mình nên kháng cáo của Công ty không có căn cứ chấp nhận. Cần bác kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm do bản án đã áp dụng đúng quy định pháp luật, có căn cứ và phù hợp với các chứng cứ, tình tiết vụ việc.

[6] Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ nên không chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty J phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên J. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 06 tháng 06 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú; Thông tư số 18/2017/TT-NHNN ngày 27/12/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08/12/2015;

- Áp dụng án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N Việt Nam đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên J.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên J phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam theo Hợp đồng cho vay theo

hạn mức số 044.17/48.05-HMTD ngày 27/03/2017 với số tiền là **7.686.187.483** (Bảy tỷ, sáu trăm tám mươi sáu triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm tám mươi ba) đồng và **217.582,47** (Hai trăm mười bảy nghìn, năm trăm tám mươi hai phẩy bốn mươi bảy) EUR.

Trong đó: Nợ gốc là 6.739.731.782 đồng và 196.922,70 Eur; lãi vay trong hạn là 93.776.542 đồng và 2.126,32 Eur; Lãi vay quá hạn là 852.679.159 đồng và 18.533,45 Eur.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên J còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N Việt Nam về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên J thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Thuộc da R (Việt Nam) đối với khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 029.17/48.05-HMTD ngày 16/02/2017 (theo Thư bảo lãnh ngày 16/02/2017).

3. Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 06/03/2019 theo Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 176/2019/QĐ-BPKCTT ngày 06/6/2019 của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

4. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Một thành viên J phải chịu án phí là 121.554.846 đồng (Một trăm hai mươi một triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP N Việt Nam 62.238.673 đồng (Sáu mươi hai triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 007423 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Một thành viên J phải chịu án phí là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 008488 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Phượng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Nhung

Võ Văn Toàn

Võ Thị Thanh Phượng